

Bản án số: 228/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2020
V/v tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Nga

Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 519/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 497/2020/QĐ-ST ngày 25/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 526/2020/QĐ-ST ngày 15/9/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đức B, sinh năm 1977; địa chỉ: tổ 13, ấp A.L, xã H. B, huyện C.M, tỉnh An Giang, (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Nguyễn Thị Vân P, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp A.L, xã H. B, huyện C.M, tỉnh An Giang, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/6/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày: anh và chị Nguyễn Thị Vân P quen biết, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 1999, có tổ chức lễ cưới, vợ chồng có đăng ký kết hôn vào tháng 7/2005 tại UBND xã H.B, huyện C.M, tỉnh An Giang; vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp, hay cãi vã, đã không còn sống chung với nhau từ thời điểm đó đến nay. Nay thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn nên xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Vân P.

+ Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 2000, đã trưởng thành không yêu cầu xem xét, giải quyết.

+ Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, chị Nguyễn Thị Vân P tuy được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại Biên bản xác minh tại UBND xã N.M xác định bà Nguyễn Thị Vân P đã chuyển hộ khẩu theo chồng từ khi lập gia đình đến nay rất ít khi về địa chỉ nêu trên và Biên bản xác minh tại UBND xã H.B, huyện C.M, tỉnh An Giang xác định bị đơn Nguyễn Thị Vân P và con Nguyễn Hồng Đ vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa P, chưa chuyển khẩu, nhưng hiện đi làm xa thỉnh thoảng về địa chỉ nêu trên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải để động viên các bên có thể giải quyết các bất đồng quan điểm, hàn gắn đoàn tụ với nhau nhưng phía bị đơn Nguyễn Thị Vân P không có mặt theo giấy triệu tập nên không thể tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C.M, tỉnh An Giang mở phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án theo quy định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt. Các bên không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C.M, tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về tố tụng. Đối với bị đơn Nguyễn Thị Vân P tuy được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa có cơ sở xác định anh Nguyễn Đức B và chị Nguyễn Thị Vân P có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật, thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì bất đồng quan điểm, sống ly thân cho đến nay. Chị P đã đi làm tại tỉnh B.D, không còn liên lạc qua lại với anh B. Cuộc sống của vợ chồng từ lâu đã không còn hạnh phúc, thiếu sự quan tâm, chia sẻ, tình cảm không còn nên anh B. có yêu cầu ly hôn với chị P, chị P không có ý kiến phản hồi, không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc anh B. yêu cầu xin ly hôn với chị P là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: con chung đã thành niên, về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên, không đặt ra xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Đức B. đối với chị Nguyễn Thị Vân P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ tranh chấp: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn được xác định là quan hệ tranh chấp về “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữa anh Nguyễn Đức B. đối với chị Nguyễn Thị Vân P có nơi cư trú tại xã H.B, huyện C.M, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C.M, tỉnh An Giang.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới đã tổng đạt các thông báo thụ lý, Thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật cho các bên đương sự. Bị đơn Nguyễn Thị Vân P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 15/9/2020 không có lý do, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai ngày 30/9/2020 Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Đức B. đối với chị Nguyễn Thị Vân P quen biết, tiến đến hôn nhân trên cơ sở tình yêu tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/7/2005 tại UBND xã H.B, huyện C.M, tỉnh An Giang, phù hợp với trích lục Giấy chứng nhận kết hôn UBND xã H.B cấp được anh B giao nộp có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa anh B, chị P là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân: thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì chị P bỏ đi làm tại tỉnh B.D cho đến nay, ít liên lạc qua lại với anh B, không còn quan tâm, không tin tưởng nhau trong tình cảm, thiếu trách nhiệm trong cuộc sống gia đình, mâu thuẫn càng trầm trọng, bất đồng trong từng lời nói, hành động thể hiện không còn tôn trọng nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập đến các phiên hòa giải nhưng chị P không có mặt, không có thiện chí hợp tác, hiện nay vợ chồng vẫn sống ly thân, không quan tâm đến nhau, cuộc sống mỗi người thể hiện sự riêng lẻ, không còn mục tiêu để xây dựng một gia đình hạnh phúc, mà ở đó có sự quan tâm, chia sẻ, gánh vác công việc qua lại với nhau. Điều đó chứng tỏ vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu

khởi kiện, cho anh Nguyễn Đức B được ly hôn với chị Nguyễn Thị Vân P là phù hợp.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung đã thành niên, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: anh Nguyễn Đức B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 273; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức B. Anh Nguyễn Đức B. được ly hôn với chị Nguyễn Thị Vân P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 74 ngày 25/7/2005 do UBND xã H.B, huyện C.M, tỉnh An Giang cấp cho anh Nguyễn Đức B và chị Nguyễn Thị Vân P không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: đã thành niên, nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Đức B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008633 ngày 26/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.M, tỉnh An Giang, anh B đã nộp xong.

5. Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Đức B có mặt, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị Vân P vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C.M;
- Chi cục THADS huyện C.M;
- UBND xã H.B, huyện C.M;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Phong

4. Về án phí: Anh Nguyễn Đức B. phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0008633 ngày 26/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên thống nhất.

5. Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Đức B. được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị Vân P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Biên bản nghị án kết thúc lúc.....giờ.....phút cùng ngày, các thành viên trong hội đồng nghe đọc lại và tất cả cùng thống nhất ký tên vào biên bản.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên thống nhất.

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Huy Phong